

**Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**  
**Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**



**Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

**1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu**

- Dự toán: Cung cấp hóa chất, vật tư tiêu hao y tế năm 2025 - 2027;
- Quy mô dự toán mua sắm: 864.385.436.572 đồng (Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi tư tỷ, ba trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng);
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn vốn hợp pháp của Bệnh viện Nhi Trung ương;
- Tên Gói thầu: Gói 3 - Cung cấp dây truyền và găng tay các loại;
- Giá gói thầu: 42.841.953.800 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi hai tỷ, tám trăm bốn mươi một triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm đồng);
- Hình thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng (xét theo từng phần);
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ;
- Hình thức hợp đồng: Đơn giá cố định;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng;
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện Nhi Trung ương - Số 18/879 La Thành, phường Láng, thành phố Hà Nội.

**1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

**1.2.1. Yêu cầu về kỹ thuật chung:**

**a. Yêu cầu về tính hợp lệ của hàng hóa dự thầu (Nhà thầu kê khai, cung cấp tài liệu và cam kết để chứng minh)**

- Hàng mới 100%.
- Các tài liệu của hàng hóa chào thầu phải đảm bảo và nêu rõ:
  - + Ký mã hiệu (mã hàng hóa);
  - + Hãng sản xuất;
  - + Hãng chủ sở hữu;
  - + Xuất xứ;
  - + Thông số kỹ thuật của hàng hóa.
- Tiêu chuẩn chất lượng của hãng sản xuất/ cơ sở sản xuất tại nước sản xuất hàng hóa dự thầu:
  - + Đối với hàng hóa không phải thiết bị y tế: Giấy chứng nhận ISO 9001 hoặc tương đương của hãng sản xuất/ cơ sở sản xuất tại nước sản xuất hàng hóa dự thầu.
  - + Đối với hàng hóa là thiết bị y tế: Giấy chứng nhận ISO 13485 hoặc tương

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*

đương của hãng sản xuất/ cơ sở sản xuất tại nước sản xuất hàng hóa dự thầu.

- Đối với hàng hóa dự thầu là thiết bị y tế: Cung cấp đầy đủ bộ hồ sơ chất lượng về hàng hóa bao gồm: Số lưu hành của thiết bị y tế hoặc tương đương theo quy định còn hiệu lực.

- Catalô, bản dữ liệu sản phẩm chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa dự thầu so với yêu cầu mời thầu về tiêu chuẩn kỹ thuật.

***b. Yêu cầu về tiến độ giao hàng (Nhà thầu thực hiện cam kết)***

Hàng hóa được giao theo từng đợt đặt hàng (theo tháng hoặc đợt xuất) từ email hoặc điện thoại của Bệnh viện Nhi Trung ương tới nhà thầu. Nhà thầu phải cung cấp các mặt hàng đã trúng thầu theo số lượng yêu cầu của Bệnh viện chậm nhất trong vòng 05-10 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu đặt hàng (một số mặt hàng đặc biệt thời gian giao hàng có thể theo thỏa thuận của 2 bên). Đối với các trường hợp bất khả kháng nhà thầu phải giải trình bằng văn bản và phải được sự chấp thuận của Bệnh viện.

***c. Lịch sử cung cấp hàng hóa (Nhà thầu thực hiện cam kết)***

Nhà thầu cam kết trong vòng 03 năm gần nhất so với thời điểm đóng thầu nhà thầu không có hợp đồng nào chậm tiến độ hoặc không giao được hàng hoặc giao hàng không đáp ứng chất lượng theo quy định tại Hợp đồng. Trường hợp, nhà thầu có cam kết nhưng Bệnh viện có tài liệu chứng minh được nhà thầu có hợp đồng chậm tiến độ hoặc không giao được hàng hoặc giao hàng không đáp ứng chất lượng theo quy định tại Hợp đồng thì E-HSDT của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với danh mục dự thầu có lịch sử cung cấp hàng hóa không đáp ứng đó.

***d. Yêu cầu về hạn sử dụng còn lại của hàng hóa tính từ ngày giao hàng***

Nhà thầu cam kết hàng hóa khi giao phải đảm bảo tuân thủ quy định về hạn sử dụng còn lại của hàng hóa tính từ thời điểm giao hàng cụ thể như sau:

***Đối với Vật tư tiêu hao:***

- Hạn sử dụng của hàng hóa  $\leq$  12 tháng: Hạn sử dụng còn lại tối thiểu  $\geq$  06 tháng;

- Hạn sử dụng của hàng hóa từ  $>$  12 tháng - 24 tháng: Hạn sử dụng còn lại tối thiểu  $\geq$  8 tháng;

- Hạn sử dụng của hàng hóa từ  $>$  24 tháng - 36 tháng: Hạn sử dụng còn lại tối thiểu  $\geq$  18 tháng;

- Hạn sử dụng của hàng hóa từ  $>$  36 tháng - 60 tháng: Hạn sử dụng còn lại tối thiểu  $\geq$  24 tháng.

***đ. Yêu cầu về phạm vi cung cấp***

- Hàng hóa chào thầu phải đáp ứng yêu cầu về đơn vị tính, khối lượng được nêu tại Cột 5, 6 Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu đính kèm.

- Đối với hàng hóa mời thầu có đơn vị tính bằng hộp/lọ/chai/can/bộ kit/ống/tuýp thì hàng hóa chào thầu phải đảm bảo đáp ứng tối thiểu yêu cầu về quy cách quy định tại Cột 4 Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu đính kèm. Trường hợp quy cách của hàng hóa chào thầu khác với quy định tại Cột 4 Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu thì quy cách đó phải đảm bảo tương đương hoặc có lợi thế hơn và phù hợp với việc sử dụng của chủ đầu tư.

#### ***e. Yêu cầu về hàng mẫu***

- Trường hợp nhà thầu dự thầu các danh mục hàng hóa (các phần (lô)) có yêu cầu về hàng mẫu thì trong thời hạn 05 ngày làm việc sau thời điểm đóng thầu, nhà thầu có trách nhiệm cung cấp hàng mẫu với số lượng theo yêu cầu tại Cột 8 Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu đính kèm.

- Việc cung cấp hàng mẫu phục vụ cho quá trình đánh giá kỹ thuật của hàng hóa dự thầu theo yêu cầu về nội dung đánh giá quy định tại Cột 8 Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có quyền kiểm định hàng mẫu tại đơn vị/tổ chức kiểm định độc lập để làm căn cứ đánh giá E-HSMT.

- Địa điểm nhận hàng mẫu: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế - Bệnh viện Nhi Trung ương, tầng hầm nhà A (tòa nhà 15 tầng), số 18/879 La Thành, phường Láng, thành phố Hà Nội.

- Yêu cầu về quy cách đóng gói, thông tin hàng mẫu khi bàn giao: Hàng mẫu được đóng gói riêng theo từng danh mục hàng hóa và ghi rõ các thông tin sau:

- + Tên nhà thầu;
- + Số thứ tự thầu (ghi theo số thứ tự trong E-HSMT);
- + Tên hàng hóa (ghi theo tên hàng hóa tự trong E-HSMT);
- + Mã sản phẩm;
- + Hãng sản xuất;
- + Nước sản xuất.

- Khi đến bàn giao hàng mẫu, nhà thầu mang theo Biên bản bàn giao đã điền đầy đủ thông tin theo mẫu đính kèm sau đây để hai bên tiến hành ký kết biên bản bàn giao theo quy định.

#### ***1.2.2. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể***

- Hàng hóa phải đáp ứng được các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Cột 3 Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu đính kèm và có hàng mẫu được đánh giá là đạt theo quy định tại Cột 8 - Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu đối với các danh mục có yêu cầu hàng mẫu.

*(Nhà thầu cung cấp catalô, tài liệu kỹ thuật khác có liên quan để chứng minh đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Đối với các tiêu chí kỹ thuật chưa được thể hiện trong Catalô, bản dữ liệu sản phẩm, nhà thầu được phép cung cấp tài liệu hoặc bản cam kết của hãng sản xuất phát hành để chứng minh (Trường hợp này, chủ đầu tư sẽ kiểm tra,*

đối chiếu các tài liệu kỹ thuật khác hoặc bản cam kết của hãng sản xuất đã được hợp pháp hóa lãnh sự tại thời điểm đối chiếu E-HSDT trong trường hợp nhà thầu được mời đối chiếu tài liệu). Chủ đầu tư sẽ kiểm tra, đánh giá các tiêu chí kỹ thuật thực hiện bằng cam kết khi nhận hàng hóa. Trường hợp hàng hóa khi nhận không đạt theo yêu cầu tại E-HSMT, nhà thầu phải thu hồi vô điều kiện hàng hóa đó và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và chịu phạt vi phạm hợp đồng theo quy định).

- Ngoài các biểu mẫu được nêu tại Chương IV Biểu mẫu mời thầu và dự thầu, Nhà thầu phải kê khai thông tin về hàng hóa dự thầu theo **Mẫu số 21** dưới đây và scan đính kèm E-HSDT.

*Đồng thời nhà thầu đính kèm file Excel khi nộp E-HSDT. Việc đính kèm file Excel Mẫu số 21 chỉ phục vụ việc nhập dữ liệu được nhanh chóng trong quá trình đánh giá E-HSDT của Chủ đầu tư, không có giá trị đánh giá nhà thầu đạt/không đạt về tiêu chuẩn kỹ thuật trong trường hợp nhà thầu không đính kèm file Excel.*

### **1.3. Các yêu cầu khác:**

- Giá mua bán: Trọn gói, đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) được vận chuyển và giao tại Kho vật tư y tế - Bệnh viện Nhi Trung ương, số 18/879 La Thành, phường Láng, thành phố Hà Nội.

**Mục 2. Bản vẽ:** Không có bản vẽ

### **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Các bên sẽ tiến hành kiểm tra và thử nghiệm nếu trong quá trình sử dụng bên mua nhận thấy hàng hóa không đảm bảo chất lượng như quy định tại E-HSMT.

Trường hợp phải kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa thì sẽ được tiến hành kiểm tra tại các đơn vị có chức năng hoặc tại Bệnh viện Nhi Trung ương. Mọi chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm do nhà thầu chịu trách nhiệm. Thời gian nhà thầu giải quyết các kiến nghị về chất lượng hàng hóa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của bên mua (không bao gồm thời gian kiểm tra, thử nghiệm).

Bất cứ một hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa qua kiểm tra và thử nghiệm mà không phù hợp về chất lượng, về đặc tính kỹ thuật ..., thì chủ đầu tư có thể từ chối và nhà thầu sẽ phải thay thế các hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa bị từ chối hoặc tiến hành những sửa đổi cần thiết một cách miễn phí, đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa không phù hợp, chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu cần thiết. Mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu.

Ghi chú:

*Đối với các yêu cầu kỹ thuật thực hiện cam kết, nhà thầu có thể tham khảo mẫu cam kết dưới đây khi lập và nộp E-HSDT*

**Mẫu cam kết**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày .....tháng.....năm.....

**BẢN CAM KẾT**

Nhà thầu [*ghi tên Nhà thầu*] tham dự gói thầu [*ghi tên gói thầu*] của Bệnh viện Nhi Trung ương, đại diện hợp pháp của nhà thầu xin cam kết thực hiện các điều khoản sau:

1. Tất cả các hàng hóa tham dự thầu đều có đủ thông tin về xuất xứ, chứng chỉ chất lượng, hãng, nước sản xuất, giấy phép đăng ký lưu hành tại Việt Nam còn hiệu lực đối với thiết bị y tế. Hàng mới 100%.
2. Giá dự thầu là giá đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) được vận chuyển và giao tại Kho vật tư y tế - Bệnh viện Nhi Trung ương.
3. Cung ứng hàng hóa kịp thời, chính xác, đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đáp ứng tiến độ giao hàng quy định tại điểm b tiểu mục 1.2.1 mục 1.2 Chương V của E-HSMT.
4. Cung ứng hàng hóa đảm bảo đáp ứng yêu cầu về hạn sử dụng còn lại của hàng hóa tính từ ngày giao hàng quy định tại điểm d tiểu mục 1.2.1 mục 1.2 Chương V của E-HSMT
5. Cung ứng hàng hóa đúng với các thông số kỹ thuật đã kê khai ở Mẫu số 21 Danh mục hàng hóa dự thầu.
6. Thu hồi vô điều kiện những hàng hóa bị phát hiện có vấn đề về chất lượng trong quá trình sử dụng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư.
7. Bồi thường thiệt hại do hàng hóa không đảm bảo chất lượng (nếu có) gây ra cho Chủ đầu tư và/hoặc người bệnh.
8. Cam kết trong vòng 03 năm gần nhất so với thời điểm đóng thầu nhà thầu không có hợp đồng nào chậm tiến độ hoặc không giao được hàng hoặc giao hàng không đáp ứng chất lượng theo quy định tại Hợp đồng. Trường hợp, nhà thầu có cam kết nhưng Bệnh viện có tài liệu chứng minh được nhà thầu có hợp đồng chậm tiến độ hoặc không giao được hàng hàng hoặc giao hàng không đáp ứng chất lượng theo quy định tại Hợp đồng thì E-HSDT của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với danh mục dự thầu có lịch sử cung cấp hàng hóa không đáp ứng đó.
9. Nhà thầu cam kết đáp ứng các yêu cầu quy định tại mục 1.3 Chương V của E-HSMT.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU**

*[Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

*M*

MẪU BIÊN BẢN BÀN GIAO HÀNG MẪU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO HÀNG MẪU

Gói thầu: .....

Thuộc dự toán: **Cung cấp hóa chất, vật tư tiêu hao y tế năm 2025 - 2027**

Hôm nay, ..... tháng ..... năm 2025, tại phòng Vật tư – Thiết bị y tế - Bệnh viện Nhi Trung ương, Chúng tôi gồm:

**BÊN GIAO: CÔNG TY .....**

Đại diện: ..... Chức vụ: .....

**BÊN NHẬN: BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG**

Đại diện: ..... Chức vụ: Nhân viên phòng Vật tư – Thiết bị y tế

Hai bên cùng tiến hành bàn giao hàng mẫu để tiến hành đánh giá theo quy định của E-HSMT, cụ thể như sau:

STT	TT thầu	Mã phân (lô)	Tên hàng hóa mời thầu	Tên thương mại	Kỹ mã hiệu hàng hóa	Số lot, hạn sử dụng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1.	....									
2.	...									
3.										

Hai Bên xác nhận đã giao, nhận đủ, đúng chủng loại và số lượng hàng mẫu như trên. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN GIAO**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

12

## Mẫu số 21 (Scan và đính kèm)

## DANH MỤC HÀNG HÓA DỰ THẦU

STT hàng hóa dự thầu	STT theo HSMT	Mã phần lô	Tên hàng hóa theo HSMT	Tên thương mại	Mã hàng hóa	Mã VTYT theo QĐ 5086/QĐ-BYT	Mã HS	Số đăng ký lưu hành	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng	Hạn sử dụng của hàng hóa	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1.																		
2.																		

Tổng số danh mục dự thầu: ... .. danh mục

## Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

## Ghi chú:

- (1): Ghi STT lần lượt theo tổng số danh mục tham dự thầu của nhà thầu;  
(2): Ghi theo STT trong danh mục hàng hóa mời thầu;  
(3): Ghi mã phần lô tương ứng với danh mục chào thầu;  
(4): Ghi tên hàng hóa theo E-HSMT;  
(5): Ghi tên hàng hóa theo tên thương mại của hãng sản xuất;  
(6): Ghi mã hàng hóa của hãng sản xuất;  
(7): Ghi mã vật tư y tế theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021.(Áp dụng đối với vật tư y tế đã được cấp mã trước ngày Quyết định 3514/QĐ-BYT ngày 21/11/2024). Đối với các vật tư y tế mới chưa được cấp mã theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT thì dùng mã theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ). Trường hợp hàng hóa không thuộc danh mục theo Quyết định 5086/QĐ-BYT thì không phải kê khai;  
(8): Ghi mã HS của hàng hóa (nếu có), trường hợp nhà thầu chưa xác định được mã HS thì để trống;  
(9): Ghi số đăng ký lưu hành của hàng hóa;  
(10): Ghi thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu;  
(11): Ghi tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa (ví dụ: ISO 13485/ ISO 9001,...);  
(12): Ghi hạn sử dụng của hàng hóa dự thầu theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (ví dụ: 12 tháng, 24 tháng, 36 tháng,...);  
(13), (14), (15), (16), (17). (18): Ghi đầy đủ thông tin của hàng hóa dự thầu;

(19): Ghi các lưu ý (nếu cần thiết).

## PHỤ LỤC – DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI THẦU

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Dây truyền dịch cho máy truyền dịch	Chất liệu PVC, sản phẩm giữ vững hình dạng ngay cả khi nhiệt độ thay đổi. Không chứa Latex, DEHP. Loại 20 giọt/ 1mL, kích thước lỗ lọc 40µm, chiều dài dây 210cm ± 5cm. Loại dây chuyên dùng cho máy truyền dịch có đường kính ống đồng đều, bền, thiết kế với độ dẻo và cứng chắc vừa đủ.	20 bộ/1 hộp	Bộ	3.900	1.170	Có yêu cầu Số lượng: 2 bộ. Nội dung đánh giá: Đánh giá độ mềm mại của dây, độ tương thích với máy
2.	Dây truyền dịch	- Chất liệu: PVC, trong suốt, không chứa Latex và DEHP (thể hiện trên bao bì), thay thế bằng DEHT an toàn. - Kích thước: chiều dài dây 180cm ± 5cm, 20 giọt/ 1ml, đường kính trong dây 3 mm, đường kính ngoài 4mm ± 0,5mm. Màng lọc dịch 15 µm. Van thông khí có màng lọc vi khuẩn, vi rút đảm bảo hệ thống kín). - Tiêu chí đặc thù: Dây chịu được áp lực đến 2 bar, có cửa tiêm thuốc an toàn. Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm. Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock. Bộ điều chỉnh tốc độ bánh xe di chuyển dễ dàng, khi khóa đảm bảo dịch không chảy, có khe cài dây, điều chỉnh được tốc độ nhỏ giọt tới 10 giọt/phút. Đóng gói kín, từng bộ, được tiệt trùng, có đánh dấu vị trí mở bao, có ghi hạn sử dụng ghi trên bao. Tương thích với các máy truyền dịch hiện có tại bệnh viện - Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE theo qui định.	Bộ	Bộ	561.000	168.300	Có yêu cầu Số lượng: 20 bộ. Chia làm 4 túi: 1 túi (2 sản phẩm), số lượng còn lại chia đều 3 túi. Dán tem thông tin trên từng sản phẩm và từng túi: Số thứ tự thầu, mã sản phẩm, tên công ty, nước sản xuất Nội dung đánh giá: Kiểm tra khóa trượt, không bị bọt khí khi đuổi khí và trong quá trình truyền, không bị rỉ dịch qua van thông khí
3.	Dây truyền dịch an toàn	- Chất liệu: PVC, trong suốt, không chứa Latex và DEHP (thể hiện trên bao bì), thay thế bằng DEHT an toàn. - Kích thước: chiều dài dây 180cm ± 5cm, 20 giọt/ 1ml, đường kính trong dây 3 mm, đường kính ngoài 4mm ± 0,5mm. Màng lọc dịch 15µm. Van thông khí có màng lọc vi khuẩn, vi rút (đảm bảo hệ thống kín). - Tiêu chí đặc thù: Có màng chặn khí và màng chặn dịch kỵ nước đảm bảo chức năng tự động đuổi khí và tự động ngừng truyền khi hết dịch. Có màu sắc chỉ điểm giúp phân biệt dễ	Bộ	Bộ	101.000	30.300	Có yêu cầu Số lượng: 20 bộ. Chia làm 4 túi: 1 túi (2 sản phẩm), số lượng còn lại chia đều 3 túi. Dán tem thông tin trên từng sản phẩm và từng túi: Số thứ tự thầu, mã sản phẩm, tên công ty, nước sản xuất

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		dàng với bộ dây truyền dịch thông thường. Dây chịu được áp lực đến 2 bar, có cửa tiêm thuốc an toàn. Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm. Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock. Bộ điều chỉnh tốc độ bánh xe di chuyển dễ dàng, khi khóa đảm bảo dịch không chảy, điều chỉnh được tốc độ nhỏ giọt tới 10 giọt/phút, có khe cài dây. Đóng gói kín, từng bộ, được tiệt trùng, có đánh dấu vị trí mở bao, có ghi hạn sử dụng ghi trên bao. Tương thích với các máy truyền dịch hiện có tại bệnh viện - Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE theo qui định.					Nội dung đánh giá: Kiểm tra khóa trượt, không bị bọt khí khi đuổi khí và trong quá trình truyền, không bị rỉ dịch qua van thông khí
4.	Dây truyền dịch có đầu kết nối dạng tít	- Chức năng: Dùng xả dịch nước cất từ chai vào bình làm ấm của máy thở. - Chất liệu: PVC - Kích thước: Chiều dài dây từ 170cm ± 10cm - Tiêu chí đặc thù: + Trong suốt, không bám bọt khí khi đuổi khí. + Có lỗ thông khí có màng lọc. + Các đầu nối không bị hở, đầu dây dạng tít kết nối với vị trí tiếp nước của bình làm ấm. + Có khóa điều chỉnh tốc độ dịch truyền + Đóng gói kín, được tiệt trùng, có đánh dấu vị trí mở	Bộ	Bộ	15.300	4.590	Không yêu cầu
5.	Dây truyền dịch tránh ánh sáng	- Chất liệu: PUR, dây màu cam có khả năng tránh ánh sáng. - Kích thước: chiều dài dây 180 cm ± 5cm, 20 giọt/ 1ml, đường kính trong dây 3 mm, đường kính ngoài 4mm ± 0,5mm. Màng lọc dịch 15 µm. Van thông khí có màng lọc vi khuẩn, vi rút. - Tiêu chí đặc thù: Có chức năng đuổi khí tự động và khóa dịch tự động. Dây chịu được áp lực đến 2 bar, có cửa tiêm thuốc an toàn. Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm. Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock. Bộ phận điều chỉnh tốc độ có khóa, có khe cắm dây. Đóng gói kín, từng bộ, được tiệt trùng, có đánh dấu vị trí mở bao, có ghi hạn sử dụng ghi trên bao. Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE theo qui định	Bộ	Bộ	17.000	5.100	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
6.	Dây truyền máu	<p>- Chất liệu: PVC, trong suốt, không chứa DEHP (thể hiện trên bao bì)</p> <p>- Kích thước: chiều dài dây 150cm ± 5cm, 20 giọt/ 1ml, chiều dài bầu đếm giọt 11cm, bầu có 2 ngăn, ngăn trên có lưới lọc, kích thước mắt lưới lọc khoảng 200µm đảm bảo máu không bị vón cục khi truyền.</p> <p>- Tiêu chí đặc thù: Bộ phận điều chỉnh giọt kiểu con lăn, đảm bảo dòng chảy đều, không có khe ngắt quãng, có khe cấm dây. Đầu nối trơn, tương thích với đầu nối catheter hoặc dây nối, có kim. Đóng gói kín, từng bộ, được tiệt trùng, có đánh dấu vị trí mở bao, có ghi hạn sử dụng ghi trên bao.</p>	Bộ	Bộ	70.500	21.150	<p>Có yêu cầu</p> <p>Số lượng: 20 bộ. Chia làm 4 túi: 1 túi (2 sản phẩm), số lượng còn lại chia đều 3 túi. Dán tem thông tin trên từng sản phẩm và từng túi: Số thứ tự thầu, mã sản phẩm, tên công ty, nước sản xuất</p> <p>Nội dung đánh giá: Kiểm tra độ cứng của bầu, màng lọc, bọt khí, độ chặt khi kết nối với cổng truyền</p>
7.	Dây truyền máu dùng cho máy	<p>Vật liệu PVC y tế, không có DEHP</p> <p>Có van lọc khí, 20 giọt/mL, đầu nối dạng xoắn</p> <p>Chiều dài 210cm ± 10cm</p> <p>Dây truyền máu dùng cho máy truyền dịch có chức năng truyền máu, đảm bảo đúng tốc độ và thể dịch máu cần truyền. Tương thích với máy truyền dịch có chức năng truyền máu hiện có tại khoa phòng.</p>	20 Bộ/hộp	Bộ	250	75	Không yêu cầu
8.	Dây nối bơm tiêm điện 75cm	<p>Chất liệu: PVC, Không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn, mềm dẻo, trong suốt, không bị xoắn gãy gập.</p> <p>Kích thước: Dây dài 75cm, đường kính trong: 0.8 đến 0.9mm, đường kính ngoài: 1.8 đến 2mm, thể tích mỗi dịch 0.6ml</p> <p>Tiêu chí đặc thù: Có đầu nối Luer Lock, đầu đực phía dây, đầu cái là nắp đậy, chịu áp lực cao, chống rò rỉ, có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch, máu (khóa kẹp chặn dòng tức thì), tốc độ 0,8 đến 1ml/ph, áp lực 2 bar. Đóng gói kín, từng chiếc, được tiệt trùng, có đánh dấu vị trí mở, dễ mở, có ghi hạn sử dụng. Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE theo qui định</p>	Cái	Cái	1.400.200	420.060	<p>Có yêu cầu</p> <p>Số lượng: 50 cái. Chia làm 4 túi: 1 túi (5 sản phẩm), số lượng còn lại chia đều 3 túi. Dán tem thông tin trên từng sản phẩm và từng túi: Số thứ tự thầu, mã sản phẩm, tên công ty, nước sản xuất</p>

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							Nội dung đánh giá: Kiểm tra độ mềm, gập gãy của dây, không rò rỉ dịch khi tiêm/truyền
9.	Dây dẫn bơm tiêm điện 140cm	Không chứa latex - Chất liệu PVC, Không có chất DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn - Đường kính trong: 3 mm - Đường kính ngoài: 4.0-4.2 mm - Thể tích mỗi dịch: 9-10 ml - Tốc độ 6.0-6.5 ml/phút dưới áp lực 2 bar - Đầu nối Luer Lock kết nối tương thích với bơm tiêm và chạc ba.	Cái	Cái	10.000	3.000	Có yêu cầu Số lượng: 5 cái. Nội dung đánh giá: Đánh giá độ khít khi kết nối các đầu, độ mềm mại của dây dẫn
10.	Dây nối chịu áp lực	- Chất liệu PVC, Không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn. - Không chứa latex - Đường kính trong: 3mm. Độ dày thành ống $\geq 1$ mm. Dài khoảng 75cm - Thể tích mỗi: $\leq 5,5$ ml. Đầu nối Luer Lock - Tốc độ $\geq 6$ ml/phút; áp lực $\geq 2$ bar - Đóng gói kín, từng chiếc, được tiệt trùng, có đánh dấu vị trí mở, dễ mở có ghi hạn sử dụng.	Cái	Cái	10.000	3.000	Không yêu cầu
11.	Găng tay chăm sóc có bột các cỡ	- Chất liệu: Mủ cao su thiên nhiên có bột, mật độ cao su đồng đều, đàn hồi tốt - Kích thước : + Cỡ mô tả: size S, M, L + Chiều dài 230mm $\pm$ 10mm + Chiều rộng: 80 $\pm$ 10mm (cỡ S), 95 $\pm$ 10mm (cỡ M), 110 $\pm$ 10mm (cỡ L) + Độ dày: 0,08 - 1mm + Tiêu chí đặc thù: + Màu trắng sữa, không ngả màu, mùi cao su dễ chịu, không hôi nồng + Găng tay không phân biệt trái phải, không có nốt sần cục trên bề mặt găng, kéo không bục	50 đôi/hộp	Đôi	8.247.200	2.474.160	Có yêu cầu Số lượng: 200 đôi. Chia làm 4 túi Dán tem thông tin trên từng sản phẩm và từng túi: Số thứ tự thầu, mã sản phẩm, tên công ty, nước sản xuất Nội dung đánh giá: Đánh giá sản phẩm không bị bục, không ó vàng, không dính bản, không mùi bất thường, cổ găng

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hàm lượng bột <math>\leq 10 \text{ mg/dm}^2</math></li> <li>+ Lực kéo đứt, độ bền, độ giãn đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định trong TCVN 4509 (ISO 37)</li> <li>+ Đầu ngón tay có nhám, đường bao cổ tay có dạng vành cuộn, ôm sát cổ tay</li> <li>+ Đóng gói 100 chiếc/hộp, có đánh dấu vị trí mở, có ghi hạn sử dụng, ghi rõ nhà sản xuất, xuất xứ, ngày sản xuất, hạn sử dụng và thể hiện được các tính năng của sản phẩm.</li> </ul>					không bị tuột trong lúc dùng
12.	Găng tay chăm sóc không bột các cỡ	<p>Chất liệu: cao su thiên nhiên, mật độ cao su đồng đều, đàn hồi tốt; phủ lớp polimer</p> <p>Kích thước :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cỡ mô tả: size S, M, L</li> <li>+ Chiều dài <math>240 \pm 10 \text{ mm}</math></li> <li>+ Chiều rộng: <math>80 \pm 10 \text{ mm}</math> (cỡ S), <math>95 \pm 10 \text{ mm}</math> (cỡ M), <math>110 \pm 1 \text{ mm}</math> (cỡ L).</li> <li>+ Độ dày từ 0,08 - 1mm</li> </ul> <p>Tiêu chí đặc thù:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Màu trắng đến vàng nhạt, không ngả màu, mùi cao su dễ chịu, không hôi nồng</li> <li>+ Găng tay không phân biệt trái phải, không có nốt sần cục trên bề mặt găng, kéo không bục</li> <li>+ Hàm lượng bột <math>\leq 2 \text{ mg/dm}^2</math></li> <li>+ Lực kéo đứt, độ bền, độ giãn Đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định trong TCVN 4509 (ISO 37)</li> <li>+ Đầu ngón tay có nhám, đường bao cổ tay có dạng vành cuộn, ôm sát cổ tay</li> <li>+ Đóng gói 100 chiếc/hộp, có đánh dấu vị trí mở, có ghi hạn sử dụng, ghi rõ nhà sản xuất, xuất xứ, ngày sản xuất, hạn sử dụng và thể hiện được các tính năng của sản phẩm.</li> </ul>	50 đôi/hộp	Đôi	477.900	143.370	<p>Có yêu cầu</p> <p>Số lượng: 200 đôi. Chia làm 4 túi Dán tem thông tin trên từng sản phẩm và từng túi: Số thứ tự thầu, mã sản phẩm, tên công ty, nước sản xuất</p> <p>Nội dung đánh giá: Đánh giá sản phẩm không bị bục, không ó vàng, không dính bản, không mùi bất thường, kiểm tra hàm lượng bột.</p>
13.	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu găng làm từ cao su tự nhiên, giới hạn dư lượng bột lớn nhất là <math>2 \text{ mg/dm}^2</math>.</li> <li>- Độ dài tối thiểu 270mm. Độ rộng lòng găng tay: cỡ 7:</li> </ul>	50 đôi/hộp	Đôi	25.700	7.710	<p>Có yêu cầu</p> <p>Số lượng: 05 đôi.</p>

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	không bột các cỡ	89±6mm, cỡ 7,5: 95±6mm, cỡ 8: 102±6mm. Độ dày ngón tay tối thiểu 0,14mm. Độ dày lòng găng tay tối thiểu 0,12mm. Độ giãn trước lão hóa tối thiểu 750%, sau lão hóa tối thiểu 560%. Độ bền kéo trước lão hóa tối thiểu 24Mpa, sau lão hóa tối thiểu 18Mpa. - Có phân biệt tay trái và tay phải. 1 đôi gồm 2 găng đóng gói thành từng túi. - Trên bao bì có ghi chữ Powdered Free (không bột) để dễ dàng phân biệt với loại có bột. - Đã được tiệt trùng.					Nội dung đánh giá: kiểm tra chất lượng độ bám dính, độ tĩnh điện, giặt, dày mỏng
14.	Găng tay phẫu thuật vô trùng số 6,5	Chất liệu làm từ cao su tự nhiên. Độ dài tối thiểu 280mm. Độ rộng lòng găng tay cỡ 6,5: 85±5mm, . Độ dày ngón tay tối thiểu 0,17mm. Độ dày lòng găng tay tối thiểu 0,14mm. Độ giãn trước lão hóa tối thiểu 750%, sau lão hóa tối thiểu 560%. Độ bền kéo trước lão hóa tối thiểu 24Mpa, sau lão hóa tối thiểu 18Mpa. Hàm lượng Protein tối đa 200 µg/dm <sup>2</sup> . Hàm lượng bột tối đa 15mg/dm <sup>2</sup> . Đã được tiệt trùng và kiểm tra vi sinh sau tiệt trùng.	Đôi	Đôi	31.300	9.390	Có yêu cầu Số lượng: 10 đôi. Nội dung đánh giá: kiểm tra chất lượng độ bám dính, độ tĩnh điện, giặt, dày mỏng
15.	Găng tay phẫu thuật vô trùng số 7	Chất liệu làm từ cao su tự nhiên. Độ dài tối thiểu 280mm. Độ rộng lòng găng tay cỡ 7: 90±5mm. Độ dày ngón tay tối thiểu 0,17mm. Độ dày lòng găng tay tối thiểu 0,14mm. Độ giãn trước lão hóa tối thiểu 750%, sau lão hóa tối thiểu 560%. Độ bền kéo trước lão hóa tối thiểu 24Mpa, sau lão hóa tối thiểu 18Mpa. Hàm lượng Protein tối đa 200 µg/dm <sup>2</sup> . Hàm lượng bột tối đa 15mg/dm <sup>2</sup> . Đã được tiệt trùng và kiểm tra vi sinh sau tiệt trùng.	Đôi	Đôi	466.300	139.890	Có yêu cầu Số lượng: 10 đôi. Nội dung đánh giá: kiểm tra chất lượng độ bám dính, độ tĩnh điện, giặt, dày mỏng
16.	Găng tay phẫu thuật vô trùng số 7,5	Chất liệu làm từ cao su tự nhiên. Độ dài tối thiểu 280mm. Độ rộng lòng găng tay cỡ 7,5: 95±6mm, cỡ 8: 102±6mm. Độ dày ngón tay tối thiểu 0,17mm. Độ dày lòng găng tay tối thiểu 0,14mm. Độ giãn trước lão hóa tối thiểu 750%, sau lão hóa tối thiểu 560%. Độ bền kéo trước lão hóa tối thiểu 24Mpa, sau lão hóa tối thiểu 18Mpa. Hàm lượng Protein tối đa 200 µg/dm <sup>2</sup> .	Đôi	Đôi	108.000	32.400	Có yêu cầu Số lượng: 10 đôi. Nội dung đánh giá: kiểm tra chất lượng độ bám

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Hàm lượng bột tối đa 15mg/dm <sup>2</sup> . Đã được tiệt trùng và kiểm tra vi sinh sau tiệt trùng					dính, độ tĩnh điện, giặt, dày mỏng
17.	Găng tay vô trùng làm thủ thuật các cỡ	<p>Chất liệu làm từ cao su tự nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Chiều rộng: Cỡ 6,5 (83 ± 5mm); Cỡ 7 (89 ± 5mm); Cỡ 7,5 (95 ± 5mm)</li> <li>+ Chiều dài: 280mm ± 5mm</li> <li>+ Độ dày tối thiểu: 0,1 ± 0,03mm</li> <li>+ Lực kéo đứt tối thiểu trước khi già hóa: 9N đến 12.5N. Lực kéo tối đa tại độ giãn dài 300 % trước khi già hóa nhanh: 3N</li> <li>+ Độ giãn tối thiểu khi đứt trước khi già hóa nhanh: 600% ± 100%</li> <li>- Tiêu chí đặc thù:</li> <li>+ Màu sắc: Trắng đến vàng nhạt</li> <li>+ Bề mặt trơn láng tạo cảm giác tự nhiên, dễ chịu và dễ dàng tháo tác.</li> <li>+ Cổ tay được se viền dễ đeo và tránh bị cuộn xuống</li> <li>+ Có phân biệt tay trái và tay phải. 1 đôi gồm 2 găng đóng gói thành từng túi.</li> <li>+ Găng được đóng trong bao bì có hai lớp liên tiếp.</li> <li>+ Hàm lượng bột : Tối đa 10mg/dm<sup>2</sup></li> <li>+ Hàm lượng Protein hòa tan :Tối đa 200 µg/dm<sup>2</sup></li> <li>+ Đã được tiệt trùng và kiểm tra vi sinh sau tiệt trùng</li> </ul>	Đôi	Đôi	614.700	184.410	<p>Có yêu cầu</p> <p>Số lượng: 35 đôi. Chia làm 4 túi: 1 túi (2 sản phẩm), số lượng còn lại chia đều 3 túi. Dán tem thông tin trên từng sản phẩm và từng túi: Số thứ tự thầu, mã sản phẩm, tên công ty, nước sản xuất</p> <p>Nội dung đánh giá: Đánh giá sản phẩm không bị bục, không ố vàng, không dính bản, không mùi bất thường, cổ găng ôm khít</p>
18.	Đè lưỡi	<p>Chất liệu: gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh, các cạnh được bo tròn đều không có gờ sắc cạnh.</p> <p>Kích thước: (150x20x2)mm. Đóng gói riêng từng cái đã được tiệt trùng.</p>	Cái	Cái	1.702.500	510.750	Không yêu cầu
19.	Khay tiêm nhựa	Nhựa trắng đục sử dụng 1 lần. Kích thước (10 x15)cm. Được tiệt trùng	10cái/gói	Cái	484.200	145.260	Không yêu cầu